

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Tâm và ông Nguyễn Văn Thông

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lương Thúy Hảo -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:**Bà Trần Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Nguyên đơn: Chị Trương Thị Linh A, sinh năm 1978 – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Viết C, sinh năm 1971 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Nghĩa T, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Linh A trình bày:* Chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C tự nguyện chung sống với nhau, ngày 02 tháng 01 năm 1999 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông). Sau khi kết hôn anh chị cùng sinh sống tại Tổ 6, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh C hay uống rượu, đánh đập vợ con. Nay chị Trương Thị Linh A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Viết C.

Về con chung: Chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C có 03 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/7/1999, Lê Thị Như Q, sinh ngày 08/12/2002 và Lê Văn C, sinh ngày 29/6/2004. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Linh A không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Viết C đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo hợp lệ nhưng anh Chính không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điều 56,57 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Linh A. Chị Trương Thị Linh A được ly hôn với anh Lê Viết C. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Các đương sự đều cư trú tại phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho bị đơn anh Lê Viết C để tham gia các phiên hòa giải, phiên họp nhưng anh C không có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý

do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 02/ 01/ 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông) và việc kết hôn là tự nguyện. Do vậy có căn cứ xác định hôn nhân của chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C là hợp pháp.

Chị A thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc và anh chị đang sống ly thân.

Kết quả xác minh tình trạng quan hệ hôn nhân tại biên bản xác minh ngày 30/3/2022 và ngày 01/4/2022 thể hiện: Chị A và anh C là vợ chồng, quá trình sinh sống tại địa phương thì chị A và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, địa phương cũng nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không được, hiện tại chị A và anh C đã sống ly thân.

Từ những căn cứ trên, xét thấy việc chị A và anh C không còn sống chung với nhau, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh C.

**[2.2]** Về con chung: Chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C có 03 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/7/1999, Lê Thị Như Q, sinh ngày 08/12/2002 và Lê Văn C, sinh ngày 29/6/2004. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

**[2.3]** Về tài sản và nợ chung: Chị A không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

**[3]** Về án phí: Chị A phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[4]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Linh A được ly hôn với anh Lê Viết C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/01/1999 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông) cấp cho chị Trương Thị Linh A và anh Lê Viết C không còn giá trị pháp lý.

**2. Về án phí:** Chị Trương Thị Linh A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006168 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP G;
- UBND xã Đ, TP. G (đăng ký ngày 02/01/1999);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

**Trần Thị Huế**